FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển TDT (HNX: TDT)

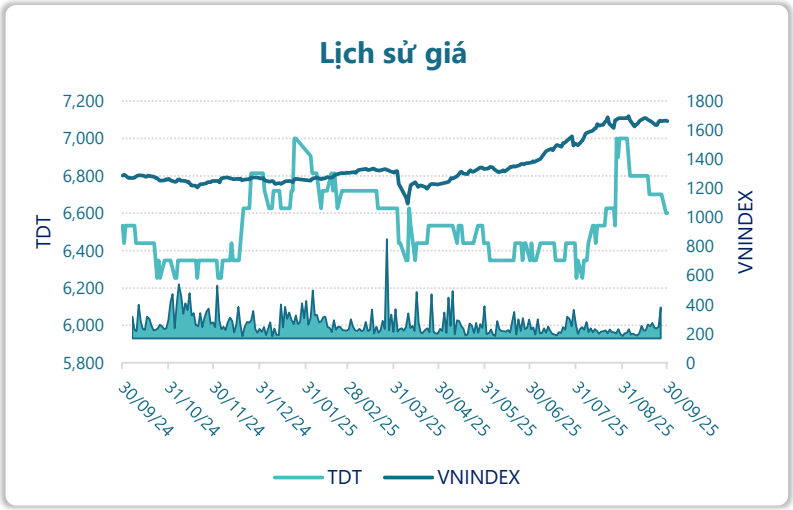

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,253
SL cổ phiếu LH	23,896,534
KLGD BQ 20 phiên (CP)	69,420
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	158
P/E	7.8
EPS	849

DT thuần

Q3/25

192

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00| 2.8%

YoY: ▼2.00| -0.9%

LN sau thuế

Q3/25

9.43

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.03| 293%

YoY: ▲ 4.50| 91.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

8.4%

+/- YoY: ▲ 2.9%

DT thuần

9T 2025

478

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 71.0| 17.5%

LN sau thuế

9T 2025

12.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.66| 84.8%

ROE

Q3/25

7.4%

+/- YoY: ▲ 4.8%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

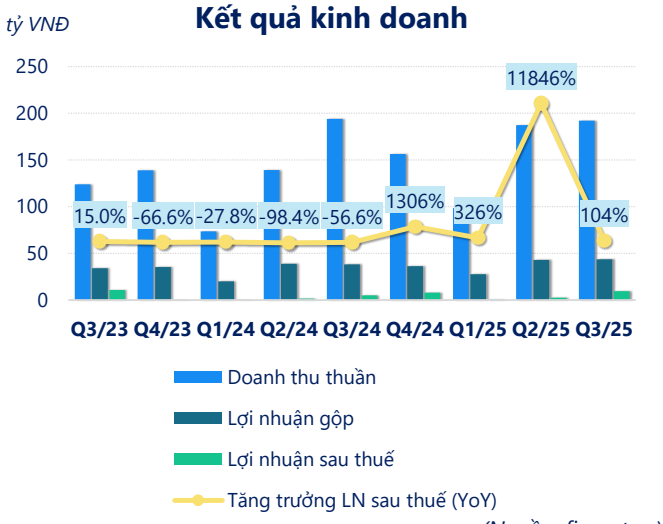

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

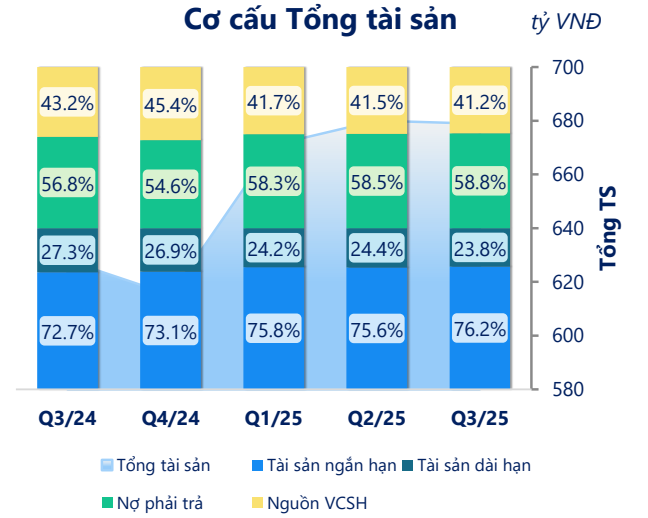

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

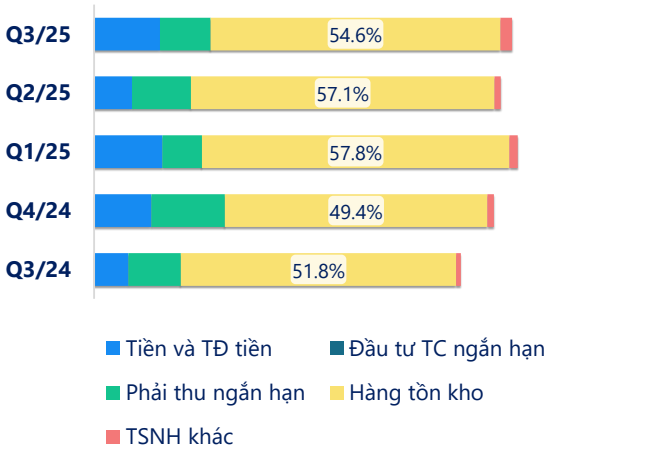

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

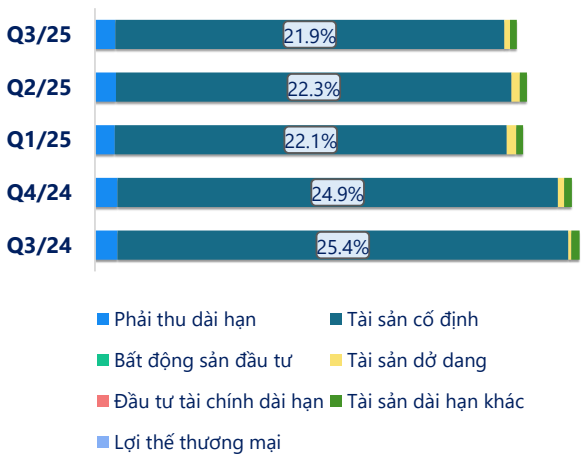

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

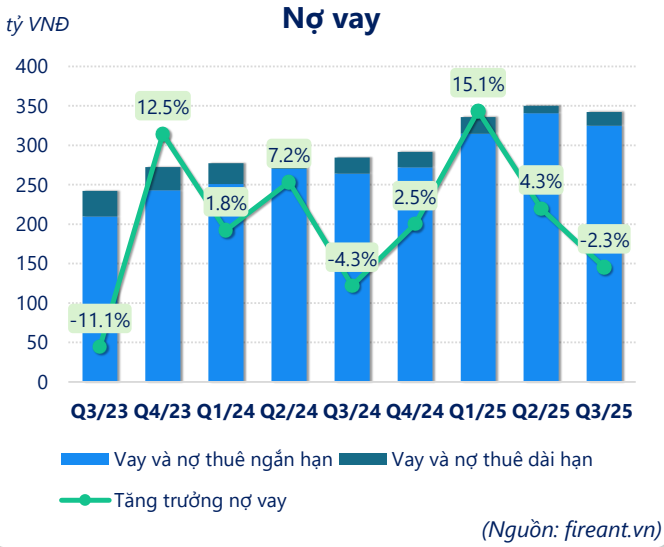

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

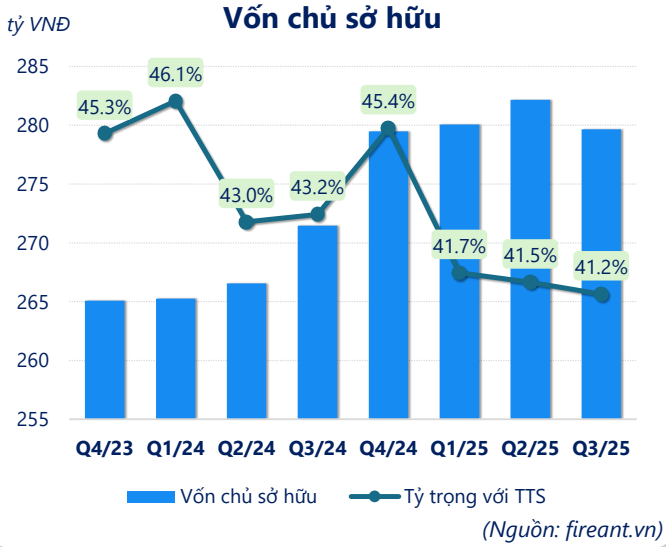

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

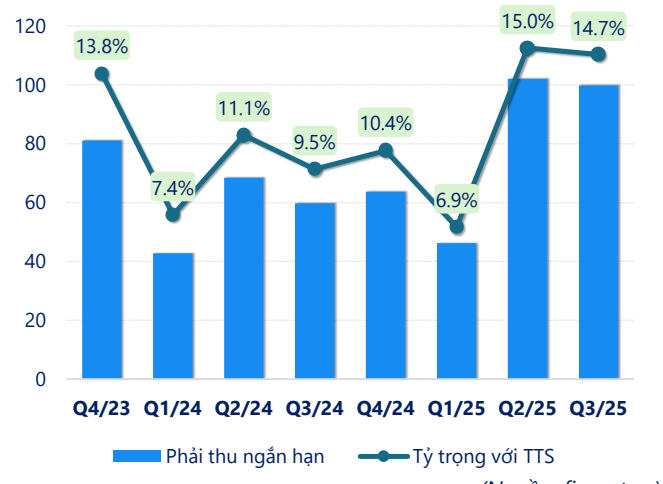

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

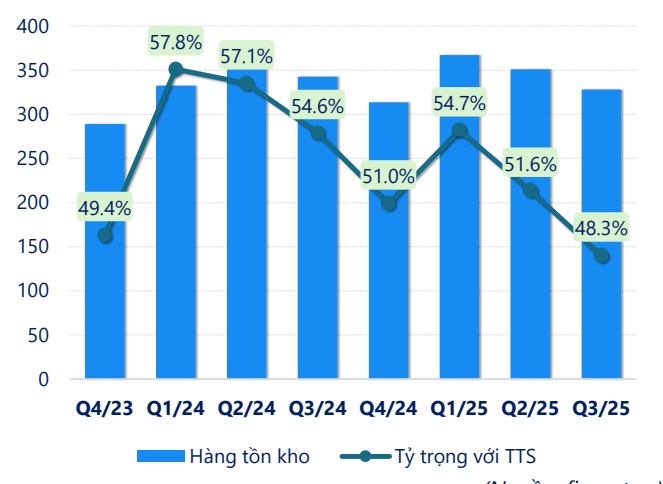

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

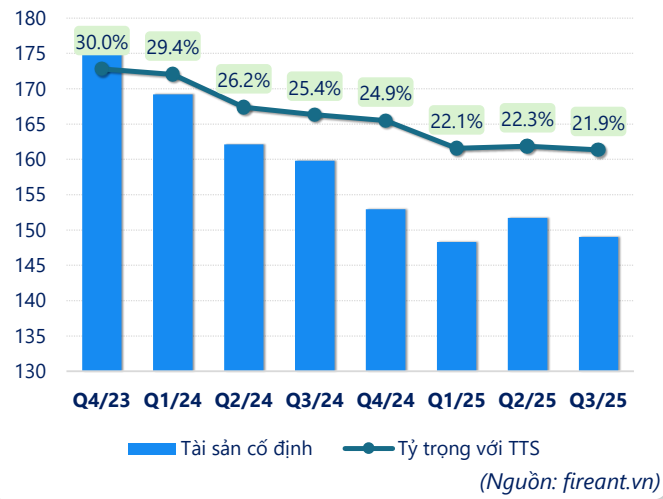

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

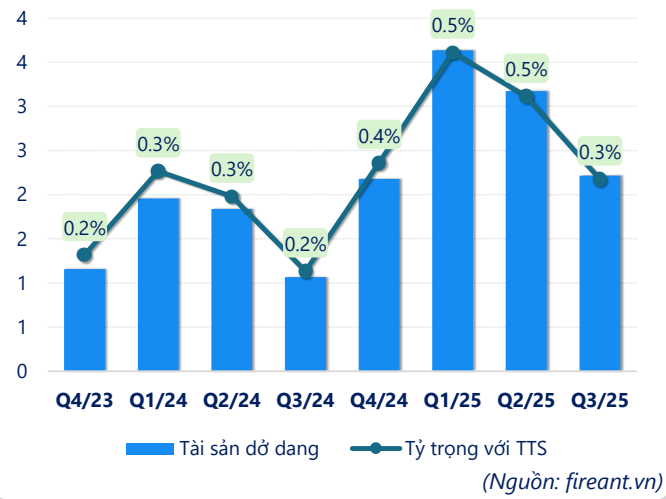

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

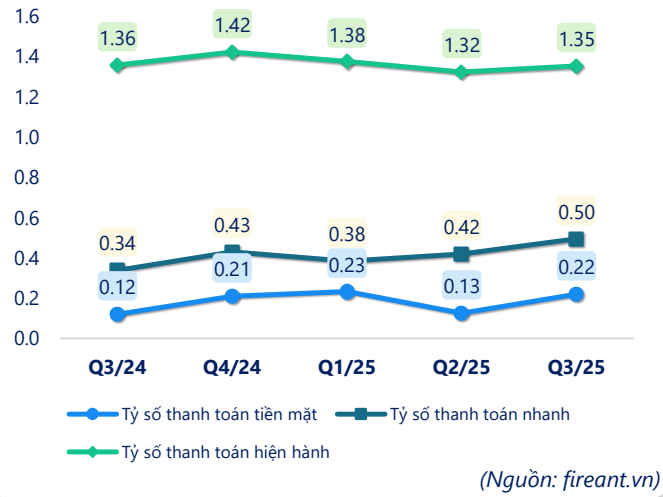

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

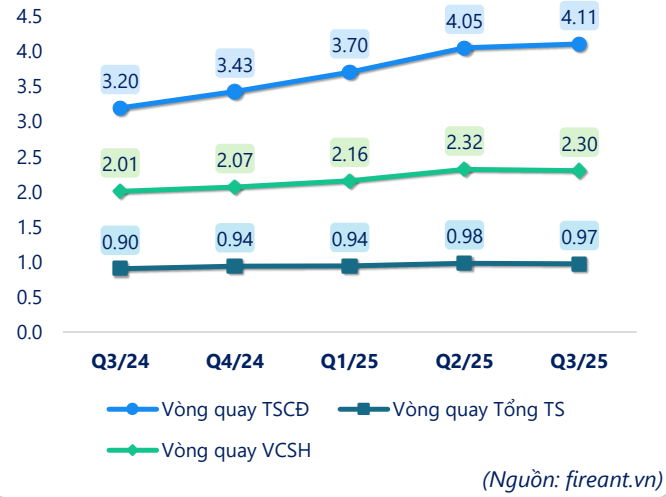

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**628**	**615**	**671**	**680**	**679**
Tài sản ngắn hạn	**456**	**450**	**509**	**514**	**517**
Tiền và tương đương tiền	40.4	66.2	86.3	48.7	84.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	59.8	63.7	46.2	102	99.8
Hàng tồn kho	343	314	367	351	328
Tài sản ngắn hạn khác	13.5	6.19	9.51	12.6	5.45
Tài sản dài hạn	**172**	**166**	**162**	**166**	**162**
Phải thu dài hạn	7.93	7.77	7.53	8.11	7.77
Tài sản cố định	160	153	148	152	149
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.07	2.18	3.64	3.17	2.22
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.89	2.69	2.60	2.75	2.64
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**357**	**336**	**391**	**398**	**399**
Nợ ngắn hạn	**336**	**316**	**370**	**388**	**382**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	264	272	315	341	325
Phải trả người bán ngắn hạn	48.7	11.7	31.6	27.6	26.2
Nợ dài hạn	20.6	19.8	21.2	9.46	17.2
Vay và nợ thuê dài hạn	20.6	19.8	21.2	9.46	17.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**271**	**279**	**280**	**282**	**280**
Vốn chủ sở hữu	**271**	**279**	**280**	**282**	**280**
Vốn điều lệ	239	239	239	239	239
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)